

Bản án số: 03/2022/KDTMPT.

Ngày: 25-4-2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng đại lý độc quyền.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phương

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Minh Lý

Bà Nguyễn Thị Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:** Ông Đào Trọng Nghĩa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/KDTMPT ngày 12 tháng 8 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng đại lý độc quyền*” do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2021/KDTM-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất MB

Địa chỉ: Số nhà 20/761, đường GP, phường GB, quận HM, Thành phố HN  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: Đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2015; đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 27 tháng 4 năm 2017.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hải Y – chức vụ Tổng Giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH Minh A

Địa chỉ: Tổ 14, khu HB, phường YN, Q. HĐ, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Đ – chức vụ Giám đốc và bà Nguyễn Thị Mỹ L. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông An Xuân T, sinh năm 1983. Có mặt.

Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1983. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Y: Ông An Xuân T

Địa chỉ: Xóm 8, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

3. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất MB là nguyên đơn và ông An Xuân T là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/6/2019, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB và ông An Xuân T, bà Đỗ Thị Y đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng phân phối độc quyền khu

vực Hãng sơn Yen'n Color, theo đó: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB đồng ý cho ông T, bà Y lấy tên Nhà Phân phối Ngọc A làm nhà Phân phối độc quyền Khu vực các tỉnh: Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn về Dòng sản phẩm Sơn nước của Công ty.

Thực hiện đúng quy định của Hợp đồng, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB đã giao hàng theo đúng số lượng, chất lượng theo đơn đặt hàng của Nhà Phân phối ông An Xuân T và bà Đỗ Thị Y. Nhà Phân phối Ngọc A đại diện là ông An Xuân T đã ký xác nhận về việc nhận hàng và việc hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo đơn đặt hàng của Công ty (*Thể hiện qua các Hóa đơn bán hàng từ ngày 23/6/2019 đến ngày 21/01/2020*).

Theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng phân phối độc quyền số 12/SPMP/HN, Nhà Phân phối Ngọc A có nghĩa vụ thanh toán ngay 100% giá trị đơn đặt hàng đã thỏa thuận trong Hợp đồng, trong thời gian không vượt quá 03 ngày, sau khi Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB nhận được đơn đặt hàng của Nhà Phân phối bằng văn bản có xác nhận của Công ty. Tuy nhiên, kể từ thời điểm nhận được đơn đặt hàng, Hóa đơn bán hàng lần cuối cùng ngày 21/01/2020 cho đến nay thì Nhà Phân phối Ngọc A đã không tiến hành thanh toán cho Công ty. Số tiền mua hàng Nhà Phân phối Ngọc A còn nợ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB là 262.474.544đ, thuế giá trị gia tăng là 82.251.167đ, tổng là: 344.725.711 đồng.

Đề nghị Tòa án buộc ông An Xuân T và bà Đỗ Thị Y phải thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu theo Hợp đồng phân phối độc quyền số 12/SPMP/HN ngày 14/6/2019 là: 344.725.711 VNĐ, trong đó nợ gốc là 262.474.544đ, thuế giá trị gia tăng là 82.251.167 đồng.

Bị đơn ông An Xuân T và bà Đỗ Thị Y đã khai: Ngày 14/06/2019 vợ chồng ông T, bà Y có ký hợp đồng mua bán Sơn với công ty Hóa chất MB do dịch bệnh nên không bán được hàng hóa trong khi đó công ty vẫn ép sản lượng sau đó đã tự chấm dứt hợp đồng mua bán với ông T và bà Y, các công nợ công ty tự thông báo mà không có sự bàn bạc hai bên. Từ khi ký hợp đồng mua bán ngày 14/9/2019 đến nay chưa nhận được hóa đơn giá trị gia tăng. Ông T, bà Y xác định đã trả hết số tiền hàng, vì vậy không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB về số nợ 344.725.711 VNĐ, trong đó nợ gốc là 262.474.544đ, thuế giá trị gia tăng là 82.251.167đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2021/DS-ST Ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên đã Quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất MB về khởi kiện tranh chấp đại lý độc quyền đối với ông An Xuân T, bà Đỗ Thị Y.

Buộc ông An Xuân T và bà Đỗ Thị Y có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất MB số tiền hàng còn nợ là 95.628.590 đồng (Chín mươi năm triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn năm trăm chín mươi đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất MB đối với số tiền hàng là 166.845.954đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi tư đồng) và

82.251.167đ (tám mươi hai triệu hai trăm năm mươi một nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng) thuế giá trị gia tăng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất MB phải chịu 12.454.800 đồng án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.569.000 đồng theo Biên lai thu số 0003016 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN; ông An Xuân T và bà Đỗ Thị Y phải chịu 4.781.000 đồng án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/7/2021 ông Trần Văn Đ – chức vụ Giám đốc Công ty Luật TNHH Minh A là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Hóa chất MB kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB có đủ căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông An Xuân T và bà Đỗ Thị Y phải thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu theo Hợp đồng phân phối độc quyền số 12/SPMP/HN ngày 14/6/2019 là: 344.725.711 VNĐ, trong đó nợ gốc là 262.474.544đ, thuế giá trị gia tăng là 82.251.167 đồng. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB.

Ngày 13/7/2021 ông An Xuân T kháng cáo với nội dung không nhất trí bản án sơ thẩm, ông T cho rằng ông đã thanh toán đủ tiền nay không còn nợ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần XNK hóa chất MB.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, chấp nhận còn nợ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB tính theo các hóa đơn gốc mà ông T và bà Y đã ký xác nhận sau khi đã trừ đi số tiền ông T và bà Y đã thanh toán. Không chấp nhận trả thuế giá trị gia tăng như yêu cầu của Công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB xác định trong 22 hóa đơn có chữ ký viết tay của ông T và bà Y là người nhận hàng thì:

Đối với hóa đơn ngày 28/7/2019 có ghi tổng số tiền phải thanh toán là 156.538.058 đồng. Sau khi đối chiếu và tính toán thực tế số tiền bên ông An Xuân T phải thanh toán hóa đơn này là 149.085.899 đồng. Số tiền giảm so với số tiền ghi trên hóa đơn phải thanh toán là 7.452.159 đồng.

Hóa đơn ngày 28/7/2019 có ghi tổng số tiền phải thanh toán là 96.138.810 đồng. Sau khi đối chiếu và tính toán thực tế số tiền bên ông An Xuân T phải thanh toán hóa đơn này là 88.894.955 đồng. Số tiền giảm so với số tiền ghi trên hóa đơn phải thanh toán là 7.243.855 đồng.

Hóa đơn ngày 23/12/2019 có ghi tổng số tiền phải thanh toán là 17.781.488

đồng. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB xác định đây là chữ ký gốc của ông T và không đề nghị Hội đồng xét xử giám định lại chữ ký của ông T.

Đối với 19 hóa đơn gốc có chữ ký của ông T và bà Y là bên nhận hàng. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB xác định đúng như số tiền ghi trong hóa đơn cụ thể:

Hóa đơn ngày 23/6/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 60.640.360đồng.

Hóa đơn ngày 04/7/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 5.269.000đồng.

Hóa đơn ngày 04/7/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 3.112.824đồng

Hóa đơn ngày 19/7/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 869.389đồng.

Hóa đơn ngày 28/7/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 5.479.523đồng

Hóa đơn ngày 22/8/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 3.455.812đồng.

Hóa đơn ngày 24/8/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 8.630.820đồng

Hóa đơn ngày 26/8/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 2.908.038đồng

Hóa đơn ngày 27/8/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 653.639đồng

Hóa đơn ngày 28/8/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 407.314đồng

Hóa đơn ngày 05/9/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 74.030.408đồng

Hóa đơn ngày 09/9/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 2.851.195đồng

Hóa đơn ngày 09/9/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 76.147.162đồng

Hóa đơn ngày 20/9/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 7.220.558đồng

Hóa đơn ngày 26/9/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 4.739.648đồng

Hóa đơn ngày 30/9/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 1.666.283đồng

Hóa đơn ngày 07/10/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 1.539.509đồng

Hóa đơn ngày 30/10/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 103.953.600đồng

Hóa đơn ngày 02/10/2019 ghi số tiền phải thanh toán là: 32.435.092đồng.

Đối với 22 hóa đơn phô tô và 82.251.167 đồng thuế giá trị gia tăng đề nghị được chấp nhận. Công ty cho rằng, do ông T và bà Y không hợp tác với công ty để đối chiếu công nợ, nhưng sau khi công ty nhắn tin chốt nợ thì ông T có nhắn tin còn nợ 262.000.000 đồng tiền hàng, có vi bằng. Tuy nhiên trong vi bằng không thể hiện thời gian ông T nhắn tin.

Tại phiên tòa Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T và bà Y phải trả cho công ty số tiền còn nợ là 344.725.711 đồng, trong đó nợ gốc là 262.474.544đ, thuế giá trị gia tăng là 82.251.167 đồng.

Ông T và bà Y thừa nhận số tiền hàng của 19 hóa đơn nêu trên và 02 hoá đơn ngày 28/7/2019 mà nguyên đơn đã thừa nhận số tiền phải thanh toán thực tế nêu trên là đúng. Riêng hóa đơn ngày 23/12/2019 có ghi tổng số tiền phải thanh toán là 17.781.488 đồng, ông T xác định đây là chữ ký phô tô, sau đó có người tô lại, không phải chữ ký của ông nên ông không chấp nhận. Đối với số tiền của

22 hóa đơn phô tô công ty yêu cầu ông phải trả, ông T không nhất trí.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều xác định ông T và bà Y đã thanh toán tiền hàng cho công ty trong theo hợp đồng là 571.840.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông An Xuân T. Bác kháng cáo của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB. Sửa bản án sơ thẩm số 04/2021/KDTM-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất MB về khởi kiện tranh chấp đại lý độc quyền đối với ông An Xuân T, bà Đỗ Thị Y. Buộc ông An Xuân T và bà Đỗ Thị Y có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất MB số tiền hàng còn nợ là 62.151.028 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm, ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất MB và đơn kháng cáo của ông An Xuân T làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất MB, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại hợp đồng phân phối độc quyền số 12/SPMP/HN ngày 14/6/2019 giữa Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB với Nhà phân phối Ngọc A(Hộ kinh doanh bà Đỗ Thị Y) đã thỏa thuận về việc ký hợp đồng phân phối độc quyền khu vực hãng sơn Yen's Color. Ông An Xuân T và bà Đỗ Thị Y cùng ký hợp đồng và thực hiện.

Tại phiên tòa, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB và Nhà phân phối Ngọc Ado ông An Xuân T và bà Đỗ Thị Y thực hiện đều xác định thời điểm các bên thực hiện giao nhận hàng từ ngày 23/6/2019 đến ngày 21/01/2020. Mỗi lần giao hàng, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB đều có hóa đơn bán hàng, thể hiện ngày, tháng, địa chỉ bên nhận hàng, tên sản phẩm, mã sản phẩm, ĐVT, số lượng, đơn giá, số tiền thanh toán, chiết khấu %, có chữ ký của người giao hàng, người nhận hàng và có chữ ký của kế toán kho hoặc nhà sản xuất.

Quá trình thực hiện hợp đồng, dựa theo đơn đặt hàng của Nhà phân phối Ngọc A, Công ty CP xuất nhập khẩu Hóa chất MB đã giao nhiều đợt hàng, NPP Ngọc A cũng đã thanh toán tiền làm nhiều lần cho công ty bằng hình thức trả trực tiếp hoặc chuyển khoản. Các bên đều xác nhận, tính đến nay, tổng số tiền

nhà phân phối Ngọc A (ông T và bà Y) đã trả cho Công ty CP xuất nhập khẩu Hóa chất MB là 571.840.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Công ty Công ty CP xuất nhập khẩu Hóa chất MB cung cấp 22 hóa đơn đặt hàng (theo công ty CPXNK Hóa chất MB) là bản gốc, có chữ ký của 2 bên có tổng giá trị hàng hóa là 667.468.590đ và 22 hóa đơn bản photo có tổng giá trị hàng hóa là 261.990.021đ và xác định đó là các hóa đơn bán hàng thể hiện NPP Ngọc A còn nợ số tiền là 344.725.711 VNĐ, trong đó tiền hàng là 262.474.544đ, thuế giá trị gia tăng là 82.251.167đ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, công ty CPXNK Hóa chất MB và ông An Xuân T đều xác định: Hóa đơn ngày 28/7/2019 có ghi tổng số tiền phải thanh toán là 156.538.058 đồng, sau khi đối chiếu thực tế số tiền bên ông An Xuân T phải thanh toán là 149.085.899 đồng (giảm so với số tiền ghi trên hóa đơn phải thanh toán là 7.452.159 đồng) và hóa đơn ngày 28/7/2019 có ghi tổng số tiền phải thanh toán là 96.138.810 đồng. Sau khi đối chiếu thực tế số tiền bên ông An Xuân T phải thanh toán hóa đơn này là 88.894.955 đồng. (giảm so với số tiền ghi trên hóa đơn phải thanh toán là 7.243.855 đồng). Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận tổng số tiền thực tế tại hai hóa đơn nêu trên như các đương sự đã thống nhất.

Đối với hóa đơn ngày 23/12/2019 có ghi tổng số tiền phải thanh toán là 17.781.488 đồng. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB xác định đây là chữ ký gốc của ông T nhưng ông T xác định không phải chữ ký của ông mà đây là nét tô lại chữ ký phôi. Tuy nhiên, phía Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB không đề nghị Hội đồng xét xử giám định để xác định có phải chữ ký của ông T hay không. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy chưa có kết quả giám định chữ ký của cơ quan chuyên môn nhưng có căn cứ cho thấy, đây là hóa đơn được phôi lại, chữ ký được tô lại bằng mực tươi, do vậy không có căn cứ chấp nhận hóa đơn này là chứng cứ chứng minh đối với khoản tiền 17.781.488 đồng mà công ty cho rằng ông T chưa thanh toán.

Đối với 22 hóa đơn bản photo công ty xác định ông T và bà Y đã nhận hàng, nhưng ông T và bà Y không thừa nhận. Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đối với 22 hóa đơn photo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phía nguyên đơn cung cấp 01 vi bằng ghi nhận tin nhắn zalo, 01 file ghi âm cuộc gọi giữa ông T và bà Nguyễn Thị Hải Y, giám đốc công ty Hóa chất MB do văn phòng thừa phát lại Hai Bà Trưng thực hiện ngày 16/06/2021 nội dung đã ghi nhận sự kiện, hành vi bà Y sử dụng điện thoại cá nhân ghi nhận lại một số nội dung nhắn tin giữa bà Y – Tổng giám đốc công ty với ông T và bản ghi âm cuộc gọi, trong đó có nội dung ông T nhắn tin xác định số nợ 262 triệu, tuy nhiên tại phiên tòa ông T không thừa nhận. Ông T cho rằng, việc xác định nợ giữa hai bên cần phải đối chiếu sổ sách, phía công ty chưa lần nào đến đối chiếu, do vậy giữa ông và công ty ông chưa biết còn nợ bao nhiêu tiền. Ông đề nghị công ty đưa ra các hóa đơn do ông ký nhận hàng của công ty để giải quyết, ông T không thừa nhận nội dung tin nhắn nêu trên. Hội đồng xét xử thấy, vi bằng nêu trên do công ty cung cấp không thể hiện ngày giờ ông T đã nhắn tin. Mặt

khác, đây là hợp đồng phân phối độc quyền khu vực Hạng sơn Yen'n Color, các bên thực hiện hợp đồng thông qua việc giao nhận hàng hóa, có hóa đơn, bên nhận hàng phải ký vào hóa đơn của bên giao hàng, trong hóa đơn giao hàng thể hiện số lượng hàng, giá, loại hàng....và tổng số tiền phải thanh toán. Do vậy để xác định bên ông T đã nhận bao nhiêu hàng thì bên giao hàng là công ty phải cung cấp chứng cứ, chứng minh được thể hiện qua các hóa đơn giao hàng mà ông T đã xác nhận. Vì bằng nêu trên không phù hợp với các hóa đơn giao nhận hàng giữa ông T và công ty CPXNK Hóa chất MB nên không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ các hóa đơn giao nhận hàng hóa do hai bên đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận 21 hóa đơn có chữ ký gốc của bên mua hàng (ông T và bà Y) với tổng số tiền hàng là 633.991.028 đồng. Ông T và bà Y đã thanh toán cho công ty là 571.840.000đồng. Nay ông T và bà Y phải thanh toán cho Công ty CP xuất nhập khẩu Hóa chất MB là 62.151.028 đồng.

Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền thuế giá trị gia tăng trên 03 hóa đơn của Công ty CP xuất nhập khẩu hóa chất MB đã xuất ra vào ngày 31/01/2020 số tiền thuế GTGT là 10% tiền hàng = 6.338.265đ; ngày 31/12/2019 = 50.845.735đ và 02/10/2020 = 25.067.167đồng tổng số tiền 82.251.167 đồng, thấy rằng số tiền 82.251.167đ giá trị gia tăng không khớp với số tiền hàng mà các bên đã giao hàng cho nhau và cũng phù hợp với trả lời của Chi cục Thuế quận HM về việc đã ban hành quyết định số 28881/QĐ-CCT-Ktr2-XPVPHC v/v xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn đối với Công ty CP xuất nhập khẩu hóa chất MB, hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền thuế giá trị gia tăng là 82.251.167 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông An Xuân T. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố TN.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

[3.] Về án phí. Ông T không phải chịu án phí phúc thẩm, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Về án phí sơ thẩm, do cấp phúc thẩm sửa về trách nhiệm thanh toán tiền của ông T đối với Công ty nên ông T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả cho công ty.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông An Xuân T. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2021/KDTM-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ các Điều 30, k Điều 35 Điều 39 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166; 167; 168; 169; 175 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất MB về khởi kiện tranh chấp đại lý độc quyền đối với ông An Xuân T, bà Đỗ Thị Y.

Buộc ông An Xuân T và bà Đỗ Thị Y có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất MB số tiền còn nợ là 62.151.028 đồng (sáu mươi hai triệu, một trăm năm mươi một nghìn, không trăm hai tám đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Án phí phúc thẩm: Ông An Xuân T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn lại 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp theo biên lai thu số 0005549 ngày 21/7/2021. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất MB phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005566 ngày 30/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

Án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất MB phải chịu 12.454.800 đồng (mười hai triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn tám trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.569.000 đồng theo Biên lai thu số 0003016 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN; ông An Xuân T và bà Đỗ Thị Y phải chịu 3.107.551 đồng (ba triệu một trăm linh bảy nghìn năm trăm năm một đồng) án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Thị Hồng Phương**